

Bắc Từ Liêm, ngày 09 tháng 11 năm 2021

Số: **439/2021/QĐST - HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 316/2021/TLST - HNGĐ ngày 01/11/2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1- Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1982

HKTT: Căn hộ 1403, tòa CT1A, khu đô thị mới Nghĩa Đô, TDP Hoàng 24, phường C, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

2 - Anh Trịnh Văn H, sinh: 1971

HKTT: Phố Hoàng Sơn, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tình cảm: Anh Trịnh Văn H và chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn ngày 30/6/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách, mâu thuẫn về kinh tế. Anh chị đã cố gắng hòa giải và được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 4 năm 2009 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nay anh chị thuận tình ly hôn, xét việc anh chị thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[2] *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Trịnh Quốc Đ, sinh ngày: 13/01/2006. Anh chị thỏa thuận giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối với anh H cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Việc anh chị thỏa thuận là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nhà ở*: Anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

[4] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

[5] *Về lệ phí ly hôn sơ thẩm*: Anh H, chị N cùng tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Văn H và chị Nguyễn Thị Ánh N.

- *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Trịnh Quốc Đ, sinh ngày: 13/01/2006. Giao con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối với anh H cho đến khi chị N có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nhà ở*: Anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2- Về lệ phí: Anh Trịnh Văn H và chị Nguyễn Thị Ánh N cùng tự nguyện chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/042766 ngày 01/11/2021. Anh H và chị N đã nộp đủ lệ phí.

3- Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND quận Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THA dân sự quận Bắc Từ Liêm;
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ
- Các đương sự;

Dương Thị Thu Phương

